

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hảo Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh;**

2. Ông **Trần Văn Thạch.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2018/ST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số XX, tổ YY, ấp S, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Thanh S**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số XX/Y, ấp P, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam CC – Phân trại y) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2018, lời trình bày trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh S tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã T. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, anh S cờ bạc chị khuyên răn không được nên đã bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 2011. Anh chị đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2018 bị đơn anh Phạm Thanh S trình bày:

Anh và chị D tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý nhưng do hiện đang chấp hành án không thể đến Tòa án theo triệu tập được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh S là đúng theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Phạm Thanh S kết hôn năm 2011 tại UBND xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, ly thân từ năm 2011 đến nay. Xét thời gian ly thân đã lâu tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chị D xin ly hôn anh S cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh S vắng mặt

trong các buổi hòa giải và tiếp cận chứng cứ. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D và anh Phạm Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh S theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn năm 2011, có tổ chức lễ cưới. Chung sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh S.

Xét yêu cầu và lời trình bày của chị D và anh S thấy rằng: Anh chị sống chung có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, anh S đồng ý ly hôn nhưng do anh hiện đang chấp hành án không thể đến tham dự các buổi làm việc hòa giải, tiếp cận chứng cứ của Tòa án và đã có đơn xin giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] *Về con chung:* Không có, không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ D đối với anh Phạm Thanh S. Giữa chị D và anh S không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012168 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị D, anh S biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát